

Số: 893 /SKHĐT-THKTXH

Lạng Sơn, ngày 19 tháng 6 năm 2020

V/v hướng dẫn xây dựng Kế hoạch
phát triển KTXH 5 năm 2021-2025
và Chương trình hành động thực
hiện Kế hoạch

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Công văn số 3889/BKHĐT-TH ngày 16/6/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Đề cương báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

Thực hiện Công văn số 399/UBND-TH ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025,

Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 như sau:

A. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025

I. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020

Trên cơ sở dự ước tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đánh giá toàn diện tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 với tinh thần tập trung mọi nỗ lực phấn đấu hoàn thành tất cả các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch ở mức cao nhất.

1. Một số yêu cầu chung

- Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết của Đảng bộ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, bảo đảm khách quan, trung thực, sát đúng thực tiễn.

- Đánh giá đầy đủ các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành, cấp, đơn vị mình, nêu rõ kết quả đạt được, hạn chế yếu kém nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Các nội dung đánh giá phải đảm bảo chi tiết, có số liệu chứng minh cụ thể từng năm và cả giai đoạn, so sánh với kết quả thực hiện kế hoạch

phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, nhưng đồng thời phải nêu được tính khái quát, nhận định ngắn gọn sát thực, phục vụ cho việc tổng hợp và phân tích khi cần thiết.

Việc đánh giá tình hình trên các lĩnh vực phải gắn với đánh giá tình hình và kết quả triển khai thực hiện Chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 29/6/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và các Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình/Kế hoạch hành động của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các chủ trương chính sách lớn của Trung ương về các lĩnh vực kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 và đến năm 2020.

- Trên cơ sở đánh giá tình hình cụ thể của từng ngành, lĩnh vực, địa phương, đánh giá tổng quát về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, những kết quả chủ yếu đạt được, những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém và rút ra bài học kinh nghiệm, nhất là trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành.

2. Nội dung đánh giá

2.1. Tình hình, kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế

- Về tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Đánh giá về tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân hằng năm giai đoạn 2016 - 2020 và của các ngành, lĩnh vực kinh tế; GRDP bình quân đầu người năm 2020, tăng so với năm 2015; tỷ trọng của các ngành trong cơ cấu kinh tế năm 2020, tăng (giảm) so với năm 2015. (UBND các huyện, thành phố đánh giá 02 chỉ tiêu: Tổng giá trị sản xuất một số ngành kinh tế chủ yếu và Thu nhập bình quân đầu người).

- Thực hiện chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới: Phát triển các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ nông nghiệp; xây dựng và mở rộng vùng sản xuất áp dụng theo tiêu chuẩn tiên tiến; hình thành rõ nét một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung các loại sản phẩm chủ lực, có thương hiệu; tổng sản lượng thực hàng năm; diện tích trồng rừng mới và tỷ lệ che phủ rừng; công tác thủy lợi, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm. Kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

- Phát triển kinh tế cửa khẩu trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Hoàn thiện hệ thống quy hoạch các khu chức năng, đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu vực cửa khẩu; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu; thu hút đầu tư sản xuất kinh doanh và hạ tầng trong Khu kinh tế. Tình hình, kết quả xuất nhập khẩu qua địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông: Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch và phát triển đô thị. Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2020. Kết quả đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, trường học, bệnh viện, trạm y tế, nước sinh hoạt, chợ, hạ tầng thông tin... Dự ước kết quả thực hiện các chỉ tiêu: Tỷ lệ cứng hóa đường ô tô đến trung tâm xã, tỷ lệ cứng hoá đường giao thông nông thôn, tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch đến hết năm 2020.

- Tình hình phát triển sản xuất công nghiệp, năng lực sản xuất công nghiệp mới; các sản phẩm công nghiệp chủ yếu. Thu hút đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp.

- Hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch: Phát triển thị trường nội địa, hạ tầng thương mại, kết quả thực hiện chỉ tiêu tăng hàng xuất khẩu của địa phương. Tình hình, kết quả hoạt động của hệ thống các chi nhánh ngân hàng, mạng lưới bưu chính, viễn thông, hoạt động vận tải; tình hình, kết quả thu hút khách du lịch, doanh thu du lịch, nâng cao chất lượng phục vụ và phát triển hạ tầng du lịch.

- Công tác phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã và xúc tiến đầu tư: Thực hiện các giải pháp để thu hút đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và tổng số doanh nghiệp hiện có; phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn; công tác đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Kết quả công tác xúc tiến, thu hút đầu tư.

- Công tác quản lý điều hành ngân sách; kết quả thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2020; tốc độ tăng thu, chi ngân sách. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2.2. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường; phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ

- Công tác quản lý đất đai, khai thác tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Kết quả thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý đến năm 2020.

- Kết quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo. Công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ.

2.3. Tình hình, kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hoá - xã hội

- Công tác giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Quy mô, chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học; công tác rà soát sắp xếp lại hệ thống trường, lớp học; công tác phổ cập giáo dục; đổi mới công tác quản lý giáo dục; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên; phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tỷ lệ lao động qua đào tạo.

- Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân: Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, tinh thần, thái độ phục vụ bệnh nhân; thực hiện tự chủ trong các cơ sở khám chữa bệnh công lập, phát triển y tế tư nhân; công tác y tế dự phòng; củng cố hệ thống y tế cơ sở; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm; dân số và kế hoạch hóa gia đình. Dự ước kết quả thực hiện các chỉ tiêu: Số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, số bác sỹ và giường bệnh trên 1 vạn dân; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đến hết năm 2020.

- Thực hiện các lĩnh vực văn hoá, thể dục - thể thao và gia đình, thông tin, truyền thông: Thực hiện phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*”; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; giữ gìn phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống, lịch sử - cách mạng và danh lam thắng cảnh. Công tác gia đình. Phong trào thể dục, thể thao. Dự ước kết quả thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ thôn, bản, khối phố có nhà văn hoá (đạt chuẩn) đến hết năm 2020, trong đó có tỷ lệ đạt chuẩn... Các hoạt động báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, văn học - nghệ thuật, bưu chính viễn thông, thông tin - tuyên truyền...

- Đảm bảo an sinh xã hội: Kết quả thực hiện chính sách người có công, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, bảo hiểm xã hội, an sinh xã hội và thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

- Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo. Tình hình dân tộc, tôn giáo trên địa bàn tỉnh.

2.4. Công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại

- Tình hình, kết quả thực hiện Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Công tác xây dựng khu vực phòng thủ; kết quả xây dựng tỉnh Lạng Sơn thành khu vực phòng thủ vững chắc; xây dựng lực lượng, tuyển quân, huấn luyện dân quân tự vệ, dự bị động viên; kết quả thực hiện kết hợp xây dựng, củng cố quốc phòng với phát triển kinh tế, xã hội; công tác giáo dục quốc phòng, an ninh; triển khai thực hiện công tác quốc phòng địa phương; chính sách hậu phương quân đội.

- Công tác quản lý, bảo vệ biên giới, giữ gìn an ninh trật tự khu vực biên giới, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

- Công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự. Tình hình, kết quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội. Thực hiện các biện pháp kiềm chế tai nạn giao thông, phòng, chống cháy nổ. Kết quả phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*”.

- Tình hình, kết quả công tác thanh tra, kiểm tra; tiếp dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

- Công tác đối ngoại: Củng cố và phát triển quan hệ hợp tác với Quảng Tây (Trung Quốc), công tác đối ngoại Đảng, ngoại giao nhân dân, đối ngoại văn hóa,

thông tin; quan hệ hợp tác với một số đối tác nước ngoài có quan hệ truyền thống, các cơ quan đại diện, tổ chức quốc tế. Hiệu quả công tác đối ngoại.

2.5. Công tác cải cách hành chính, xây dựng bộ máy chính quyền các cấp

Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; cải cách thủ tục hành chính; sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công; hiện đại hoá nền hành chính.

2.6. Đánh giá công tác phối hợp giữa các ngành, địa phương trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

2.7. Đánh giá tổng quát

Trên cơ sở tổng kết đánh giá các nội dung cụ thể nêu trên, đánh giá tổng quát về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, những kết quả đạt được, các hạn chế, yếu kém; các nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan trong hạn chế, yếu kém; cần rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

II. Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025

1. Yêu cầu chung

- Trên cơ sở đánh giá đúng đắn, khách quan tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020, các Nghị quyết của Đảng bộ, Hội đồng nhân dân các cấp và dự báo tình hình trong nước, trong tỉnh; các Sở, Ban, ngành, các huyện, thành phố xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 theo ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, các ngành, các cấp.

- Kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của ngành, địa phương phải bám sát định hướng phát triển của tỉnh, dự thảo Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; trong đó phải thể hiện thế mạnh của từng ngành, từng địa phương.

2. Các nội dung chủ yếu trong xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020

2.1. Dự báo tình hình trong nước và khu vực có tác động, ảnh hưởng tới phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

2.2. Mục tiêu tổng quát

Tập trung huy động các nguồn lực cho phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại, du lịch, dịch vụ, tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng; đẩy mạnh phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; tăng cường quốc phòng, an

ninh, đối ngoại, bảo đảm biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác, xây dựng tỉnh Lạng Sơn phát triển nhanh và bền vững.

2.3. Các mục tiêu (chỉ tiêu) cụ thể

Danh mục các chỉ tiêu Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 của tỉnh thực hiện theo Phụ lục 1 kèm theo Công văn này. Việc xây dựng các chỉ tiêu cụ thể trong Kế hoạch chung của tỉnh và của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố phải bảo đảm tính khả thi, gắn kết với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; phù hợp với nhiệm vụ, mục tiêu của các căn cứ xây dựng kế hoạch đã nêu trên và đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương, trong đó cần phân tích, đánh giá, lựa chọn và sắp xếp thứ tự các mục tiêu ưu tiên trong kế hoạch 5 năm 2021 - 2025.

2.4. Xác định các nhiệm vụ, định hướng và giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xác định nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá và đề xuất các giải pháp cụ thể để thực hiện các định hướng phát triển và nhiệm vụ chủ yếu sau:

2.4.1. Về phát triển kinh tế

- Phát triển kinh tế cửa khẩu và các ngành thương mại, dịch vụ, du lịch để trở thành lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, là khâu đột phá thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Tập trung thực hiện có hiệu quả Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025. Phát triển nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của kinh tế đồi rừng, phát triển lâm nghiệp bền vững; chuyển dịch cơ cấu ngành chăn nuôi, từng bước phát triển chăn nuôi theo hướng gia trại, trang trại gắn với cơ sở giết mổ tập trung. Thực hiện đồng bộ, toàn diện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, tập trung xây dựng nông thôn mới ở các xã khó khăn.

- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, đô thị. Đẩy mạnh các giải pháp huy động nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, phát triển đô thị.

- Phát triển công nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và hiện đại hoá. Tập trung hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp của tỉnh.

- Tăng cường cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; phát triển kinh tế tập thể.

- Tăng cường quản lý điều hành thu, chi ngân sách. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách, cơ cấu lại ngân sách, hình thành các nguồn thu ổn định, bền vững, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

2.4.2. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường, khoa học công nghệ

- Khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu. Tập trung làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, tạo thuận lợi triển khai các dự án đầu tư. Hình thành các quỹ đất sạch cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và đời sống. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ.

2.4.3. Về phát triển văn hoá - xã hội

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số; huy động các nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Tiếp tục huy động các nguồn lực phát triển lĩnh vực y tế, bảo đảm thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, nâng cao chất lượng dân số, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao; nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh. Bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh. Quan tâm vấn đề gia đình và trẻ em.

Nâng cao chất lượng, đa dạng hoá loại hình hoạt động của lĩnh vực báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin truyền thông.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách người có công, giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội.

- Thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo.

2.5.4. Về lĩnh vực quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại

- Tăng cường xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia. Tiếp tục quán triệt và thực hiện các quan điểm, chủ trương của Đảng về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và ứng phó hiệu quả những vấn đề mới phát sinh về an ninh trật tự. Tăng cường các biện pháp kiểm chế tai nạn giao thông.

- Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại (trong nội địa và trên tuyến biên giới).

- Công tác thanh tra, kiểm tra; tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2.5.5. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế. Mở rộng, đa dạng hoá các hoạt động đối ngoại. Tiếp tục phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với Quảng Tây (Trung Quốc), các tổ chức quốc tế, các địa phương của các nước có quan hệ truyền thống... để phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng biên giới hoà bình hữu nghị, hợp tác và phát triển.

2.5.6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong sạch về đạo đức, lối sống, có chất lượng cao về chuyên môn.

2.5.7. Đề xuất, kiến nghị

III. Hệ thống biểu xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025

Hệ thống biểu mẫu xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh (*Phụ lục số 1*) gồm 10 biểu, trong đó có 05 biểu đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và 05 biểu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

1. Đối với các sở, ban, ngành tỉnh

- Đề nghị các sở, ban, ngành cung cấp đầy đủ số liệu trong tất cả các biểu theo chức năng, nhiệm vụ để xây dựng Kế hoạch chung của tỉnh.

- Căn cứ hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh, các sở, ban, ngành (kể cả các ngành chưa có chỉ tiêu trong hệ thống biểu) rà soát, đề xuất bổ sung và cập nhật số liệu các chỉ tiêu của ngành mình cần đưa vào các biểu từ 2B - 5B.

2. Đối với UBND các huyện, thành phố

Căn cứ hệ thống biểu mẫu chung của tỉnh và tình hình thực tế của từng địa phương, UBND các huyện, thành phố nghiên cứu, xây dựng hệ thống các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2020 cho phù hợp và thiết thực.

B. VỀ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021 - 2025

1. Để xây dựng Kế hoạch hành động của UBND tỉnh: Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố: (1) Xây dựng các nội dung chính, tổng quát thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình để đưa vào Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 chung của tỉnh, và (2) đề xuất những nhiệm vụ, đề án đưa vào Danh mục các chương trình, đề án thuộc Chương trình hành động của UBND tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (*theo Phụ lục số 2 kèm theo*).

2. Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của cơ quan, đơn vị mình, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 (phần lời + phần biểu và các văn bản liên quan) *được gửi qua VNPT-iOffice và có thể tải về từ Trang Thông tin của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Cổng thông tin điện tử tỉnh: <http://sokhdt.langson.gov.vn>*

Thời gian triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 rất gấp, trong khi khối lượng công việc rất lớn, do đó đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, hoàn thành xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, nội dung cần đưa vào Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh trước ngày **05/7/2020** để tổng hợp, xây dựng Kế hoạch và Chương trình hành động chung của tỉnh.

Trong quá trình triển khai xây dựng Kế hoạch và Chương trình hành động, đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi với Sở Kế hoạch và Đầu tư (sdt liên hệ: 3812.485), Sở Tài chính, Văn phòng UBND để thống nhất, bảo đảm thực hiện theo đúng Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng CM, NV;
- Lưu VT, THKTXH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Chiến

Danh sách gửi Công văn

2. Sở Nội vụ
3. Sở Tư pháp
4. Sở Tài chính
5. Sở Công Thương
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7. Sở Giao thông vận tải
8. Sở Xây dựng
9. Sở Tài nguyên và Môi trường
10. Sở Thông tin và Truyền thông
11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
13. Sở Khoa học và Công nghệ
14. Sở Giáo dục và Đào tạo
15. Sở Y tế
16. Sở Ngoại vụ
17. Thanh tra tỉnh
18. Ban Dân tộc tỉnh
19. Ban Quản lý Khu KTCK Đồng Đăng - Lạng Sơn
20. Cục Thống kê tỉnh
21. Chi nhánh Ngân hàng nhà nước
22. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
23. Công an tỉnh
24. Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
25. Cục thuế tỉnh
26. Cục Hải quan tỉnh
27. Bảo hiểm xã hội tỉnh
28. Trung tâm hành chính công tỉnh
29. Cục quản lý thị trường tỉnh.
- 28. UBND các huyện, thành phố (11 đơn vị)**